

Số: 369/2023/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

*Sửa đổi, bổ sung 03 văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt**

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của 03 văn bản: (i) Điều lệ Ngân hàng; (ii) Quy chế Nội bộ về quản trị Ngân hàng; (iii) Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, cụ thể như sau:

**I. Sự cần thiết**

Điều lệ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, tuân thủ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC,...

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nhằm:

- Đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài quy định trong Điều lệ, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hoạt động tăng vốn của Ngân hàng trong thời gian tới.
- Đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất giữa quy định của Pháp luật hiện hành với các văn bản nội bộ của Ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai hoạt động của Ngân hàng.

## II. Các nội dung trình phê duyệt

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ, chi tiết như sau:
  - a. Sửa đổi, ghi nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Điều lệ Ngân hàng khi thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài năm 2023 (“Phương án”), cụ thể như sau:
    - Trước khi thực hiện Phương án: Điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng thành 15,5% vốn điều lệ;
    - Khi kết thúc Phương án: Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không mua hết số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành theo Phương án dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế nhỏ hơn 15,5% vốn điều lệ, thì thực hiện điều chỉnh, sửa đổi và ghi nhận trong Điều lệ mức tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng là tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế (bao gồm tỷ lệ 05% vốn điều lệ và tỷ lệ của số cổ phiếu đã được phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài theo Phương án).
  - b. Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác trong Điều lệ Ngân hàng - theo Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này.
2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của 02 văn bản sau:
  - Quy chế Nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt - theo Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này;
  - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - theo Phụ lục 03 đính kèm Tờ trình này.
3. Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau:
  - Chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung các văn bản nêu trên nhằm phù hợp quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết).
  - Quyết định nội dung các tài liệu có liên quan và thực hiện các thủ tục cần thiết để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng.
  - Tính toán và quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa cụ thể căn cứ kết quả thực tế phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời quyết định thời điểm, hình thức và các thủ tục có liên quan để thực hiện việc điều chỉnh, ghi nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa vào Điều lệ Ngân hàng sau khi kết thúc Phương án.
  - Trong thời gian giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng theo từng thời điểm và sửa đổi Điều lệ Ngân hàng về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tương ứng.

- Quyết định thời điểm và thủ tục sửa đổi các Điều khoản liên quan tại Điều lệ Ngân hàng theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ủy quyền, phù hợp với quy định của Pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoàn thiện chỉnh sửa Điều lệ và giao Người đại diện theo Pháp luật ký ban hành bản Điều lệ toàn văn.
- Ban hành Quy chế Nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị để triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. *[Handwritten mark]*

Trân trọng./.

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Như Kính gửi;
- Các TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *[Handwritten mark]*



Nguyễn Đức Thụy

**PHỤ LỤC 01:**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**

(Đính kèm Tờ trình số: 369 /2023/TTr-HĐQT ngày 31 / 03 /2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN HIỆN TẠI	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI (Nội dung gạch giữa (abe) là những nội dung lược bỏ)	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA (Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)	CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA
1	Lời giới thiệu	Điều lệ Ngân hàng gồm 18 (mười tám) Chương với 90 (chín mươi) Điều.	Điều lệ Ngân hàng gồm 18 (mười tám) Chương với 86 (tám mươi sáu) Điều.	Do có sự thay đổi về số lượng điều khoản.
2	Điểm khoản Điều 1	<del>Thời hạn hoạt động là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.</del>	<del>Lược bỏ</del>	Nội dung tích hợp với khoản 9 Điều 2 để xúc tích, ngắn gọn.
3	Điểm khoản Điều 1	<del>Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Ngân hàng.</del>	<del>Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Ngân hàng.</del>	Chỉnh sửa để phù hợp với khái niệm tại Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC.
4	Điểm khoản Điều 1	<del>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.</del>	<del>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Ngân hàng.</del>	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
5	Điểm khoản Điều 1	<del>Mức cổ phần trọng yếu là mức cổ phần chiếm từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</del>	<del>Lược bỏ</del>	Lược bỏ do thuật ngữ này không được sử dụng trong toàn bộ Điều lệ.

6	Điểm khoản Điều 1	m l	<del>Cổ tức</del> là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.	<del>Cổ tức</del> là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
7	Điểm khoản Điều 1	n l	<del>Cổ đông</del> là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.	<del>Cổ đông</del> là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong <b>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</b> của Ngân hàng với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.	Chỉnh sửa để phù hợp với thay đổi tại Điều 26 của Điều lệ sửa đổi.
8	Điểm khoản Điều 1	r l	<del>Nhóm cổ đông lớn</del> là nhóm các cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.	<del>Lược bỏ</del>	Lược bỏ do không phù hợp với quy định của Luật các TCTD và Điều lệ này.
9	Điểm khoản Điều 1	s l	<del>Sổ đăng ký cổ đông</del> là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. <del>Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Điều lệ này.</del>	<del>Lược bỏ</del>	Lược bỏ để phù hợp với sự thay đổi tại Điều 26 của Điều lệ sửa đổi.
10	Điểm khoản Điều 1	v l	<del>Thành viên HĐQT độc lập</del> là những người đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.	<del>Thành viên độc lập HĐQT</del> là những người đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 46 của Điều lệ này.	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
11	Điểm khoản Điều 1	cc l	<del>Luật Doanh nghiệp</del> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.	<del>Luật Doanh nghiệp</del> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Chỉnh sửa khái niệm Luật Doanh nghiệp để phù hợp với văn bản sửa đổi, bổ sung.
12	Điểm khoản Điều 1	dd l	<del>Luật các TCTD</del> là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14.	<del>Luật các TCTD</del> là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Chỉnh sửa khái niệm Luật các TCTD để phù hợp với văn bản sửa đổi, bổ sung.
13			Chưa quy định	<del>Luật Chứng khoán</del> là Luật Chứng khoán số	Bổ sung để sử dụng trong

			54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Điều lệ.
14		Chưa quy định	<b>VSD</b> là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/ Tổng Công ty lưu lý và bù trừ chứng khoán Việt Nam	Bổ sung để sử dụng trong Điều lệ.
15	Điểm khoản Điều 1	gg 1 <i>Ngày làm việc</i> trong Điều lệ này được hiểu là ngày làm việc của Ngân hàng <del>TMCP Bưu điện Liên Việt</del> , không bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và các ngày nghỉ lễ, tết theo thông báo của Ngân hàng.	<i>Ngày làm việc</i> trong Điều lệ này được hiểu là ngày làm việc của <b>Ngân hàng</b> , không bao gồm ngày nghỉ cuối tuần và các ngày nghỉ lễ, tết theo thông báo của Ngân hàng.	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ Ngân hàng tại điểm a khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
16	Khoản Điều 2	1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt) được phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 do NHNN cấp. <del>Quyết định số 366/QĐ-NHNN về việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh và mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng do Thống đốc NHNN ban hành ngày 29/02/2012. Ngân hàng có:</del> 1. Tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật Việt Nam.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt) được phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 do NHNN cấp <b>và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế giấy phép này.</b> Ngân hàng có: 1. Tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật Việt Nam.	Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế Ngân hàng hoạt động theo tất cả các Giấy phép sửa đổi, bổ sung do NHNN cấp.
17	Khoản Điều 2	2 Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng là Tổng Giám đốc Ngân hàng. Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng về ủy	Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng là <b>Chủ tịch HĐQT</b> hoặc Tổng Giám đốc Ngân hàng. <b>HDQT quyết định và thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật trong từng thời kỳ.</b> Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành	Chỉnh sửa để tạo điều kiện cho HĐQT chủ động quyết định trong từng thời kỳ, tạo tính linh hoạt phù hợp với thực tế hoạt động.

		quyền.	của Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng về ủy quyền.	
18	Khoản Điều 2	4 Trụ sở chính đặt tại: <del>Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings</del> , Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tráng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại : 024.62 668 668 Fax : 024.62 66 96 69 Trang Web : <a href="http://www.lienvietpostbank.com.vn">www.lienvietpostbank.com.vn</a>	Trụ sở chính đặt tại: <b>Tòa nhà LienVietPostBank</b> , Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tráng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.	Chỉnh sửa để phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 11/01/2023 cấp cho Ngân hàng.
19	Khoản Điều 2	6 <del>Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: Bảng số: 12.035.904.740.000 đồng. Bảng chữ: Mười hai nghìn không trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm linh tư triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng.</del> Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của NHNN, quy định của Pháp luật về việc thay đổi mức vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới khi được đăng ký theo quy định của Pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung điều khoản này.	Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: Bảng số: <b>17.291.053.690.000 đồng.</b> Bảng chữ: <b>Mười bảy nghìn hai trăm chín mươi một tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng.</b> Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của NHNN, quy định của Pháp luật về việc thay đổi mức vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới khi được đăng ký theo quy định của Pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung điều khoản này.	Chỉnh sửa để phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 11/01/2023 cấp cho Ngân hàng.
20	Khoản Điều 2	9 Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm	Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 (chín mươi chín) năm và có thể được gia hạn trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận.	Gộp với khái niệm “thời hạn hoạt động” tại Điều 1 để ngắn gọn, rõ ràng.
21	Điều 4	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động cơ bản</b>	Chỉnh sửa tên điều khoản để phù hợp với nội dung điều khoản.

22	Khoản 1 Điều 8	Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia	Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia và các hệ thống thanh toán trong nước hợp pháp khác.	Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng.
23	Điều 16	<p><b>Điều 16. Bảo đảm an toàn trong hoạt động</b></p> <p>1. Tỷ lệ bảo đảm an toàn</p> <p>a. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Tỷ lệ khả năng chi trả;</li> <li>(ii) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% (tám phần trăm) hoặc tỷ lệ khác theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;</li> <li>(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</li> <li>(iv) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</li> <li>(v) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</li> <li>(vi) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</li> </ul> <p>b. Ngân hàng khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.</p> <p>c. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm</p>	<p><b>Điều 16. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động</b></p> <p>Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các TCTD và các quy định Pháp luật khác có liên quan.</p>	Chỉnh sửa để đảm bảo bao quát được các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng mà Ngân hàng cần tuân thủ.



		<p>soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.</p> <p>2. Dự phòng rủi ro</p> <p>a. Ngân hàng phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>b. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do NHNN quy định.</p> <p>c. Trong trường hợp Ngân hàng thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của Ngân hàng.</p>		
24	Điều 17	<p><b>Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).</p> <p>2. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Ngân hàng phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.</p> <p>3. Vốn điều lệ của Ngân hàng được sử dụng vào các mục đích:</p> <p>a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;</p> <p>b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của</p>	<p><b>Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).</p> <p>2. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Vốn điều lệ của Ngân hàng được sử dụng vào các mục đích phù hợp theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với quy định Pháp luật, tránh bỏ sót các mục đích khác khi pháp luật có sự thay đổi mà Điều lệ chưa kịp điều chỉnh.</p>

*[Handwritten signature]*

		<p>NHNN;</p> <p>e. Thành lập Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết theo quy định của Pháp luật;</p> <p>d. Cấp tín dụng;</p> <p>Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.</p>			
25	Khoản Điều 18	1	<p>Vốn điều lệ Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:</p> <p>a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của Pháp luật;</p> <p>b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của Pháp luật;</p> <p>c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;</p> <p>d. Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn góp thêm;</p> <p>e. Các nguồn khác theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Vốn điều lệ Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:</p> <p>a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của Pháp luật;</p> <p>b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của Pháp luật;</p> <p>c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;</p> <p>d. Vốn do <b>cổ đông</b> góp thêm;</p> <p>e. Các nguồn khác theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>Chỉnh sửa từ ngữ tại điểm d để phù hợp với Pháp luật về công ty cổ phần.</p>
26	Khoản Điều 18	2	<p>Vốn điều lệ Ngân hàng có thể được giảm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Ngân hàng mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;</p> <p>b. Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số lượng vốn dự kiến được điều chỉnh;</p> <p>c. Các hình thức khác do ĐHĐCĐ quyết định, phù hợp với quy định của Pháp luật.</p>	<p>Vốn điều lệ Ngân hàng có thể được giảm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Ngân hàng mua lại và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh;</p> <p>b. Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh;</p> <p>c. Các hình thức khác do ĐHĐCĐ quyết định, phù hợp với quy định của Pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi để thống nhất cách diễn giải.</p>

27	Khoản 4 Điều 18	<p>Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước, Ngân hàng phải có văn bản báo cáo NHNN (qua cơ quan thanh tra, giám sát) về kết quả thực hiện thay đổi vốn điều lệ, đính kèm bản sao văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có chứng thực) kèm theo Danh sách cổ đông, đồng thời gửi Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính toàn bộ các văn bản này. Ngân hàng cũng phải thực hiện đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của Pháp luật về số vốn điều lệ mới.</p>	<p>Sau khi được NHNN chấp thuận thay đổi vốn điều lệ mới, Ngân hàng phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;</li> <li>b. Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>c. Công bố nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin theo quy định của Pháp luật.</li> </ol>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 4 Điều 29 Luật các TCTD.</p>
28	Điều 19	<p><b>Vốn hoạt động của Ngân hàng</b>  Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vốn điều lệ của Ngân hàng;</li> <li>2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;</li> <li>3. Các quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;</li> <li>4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4, 5 và 6 của Điều lệ này;</li> <li>5. Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;</li> <li>6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao;</li> <li>7. Các loại vốn khác theo quy định của Pháp luật.</li> </ol>	<p><b>Vốn hoạt động của Ngân hàng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Vốn chủ sở hữu:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc vốn được cấp;</li> <li>b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;</li> <li>c. <b>Thặng dư vốn cổ phần;</b></li> <li>d. Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;</li> <li>e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân bổ, lỗ lũy kế chưa xử lý;</li> <li>f. Vốn khác thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</li> </ol> </li> <li>2. <b>Vốn huy động:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá;</li> </ol> </li> </ol>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định 93/2017/NĐ-CP.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>b. <b>Vốn nhận ủy thác đầu tư;</b></li> <li>c. <b>Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài;</b></li> <li>d. <b>Vốn vay NHNN Việt Nam.</b></li> </ul> <p>3. Các loại vốn khác theo quy định của Pháp luật.</p>	
29	Điều 20 và Điều 21	<p><b>Điều 20: Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Hội đồng Quản trị;</li> <li>c. Ban Kiểm soát;</li> <li>d. Tổng Giám đốc.</li> </ul> </li> <li>2. <del>HDQT có thẩm quyền thành lập các Ủy ban hoặc bộ phận khác thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu, giúp HDQT thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT.</del></li> </ol> <p><b>Điều 21. Bộ máy điều hành</b></p> <p>Bộ máy điều hành gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng Giám đốc;</li> <li>2. Các Phó Tổng Giám đốc;</li> <li>3. Kế toán trưởng;</li> <li>4. <del>Các Hội đồng và các bộ phận khác thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc, quyết định theo quy định của Pháp luật hoặc theo quyết định của TGD;</del></li> <li>5. Các Khối nghiệp vụ.</li> </ol>	<p><b>Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Hội đồng Quản trị;</li> <li>c. Ban Kiểm soát;</li> <li>d. Tổng Giám đốc.</li> </ul> </li> <li>2. Bộ máy <b>quản lý điều hành của Ngân hàng</b> bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tổng Giám đốc;</li> <li>b. Các Phó Tổng Giám đốc;</li> <li>c. Kế toán trưởng.</li> </ul> </li> </ol>	Gộp Điều 21 với Điều 20 và chỉnh sửa từ ngữ để ngắn gọn, rõ ràng.

30	Điểm khoản Điều 23	c 2	<del>Cổ phần của cổ đông sáng lập thực hiện theo quy định hiện hành có liên quan của NHNN về thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Quy định về cổ đông sáng lập không còn hiệu lực pháp lý do Ngân hàng đã hoạt động trên 05 năm.
31	Khoản Điều 24	5	<del>Trong thời hạn 5 (năm) năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Quy định về cổ đông sáng lập không còn hiệu lực pháp lý do Ngân hàng đã hoạt động trên 05 năm.
32	Khoản Điều 25	1	Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần; c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; f. Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng; g. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu; h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.	Cổ phiếu của Ngân hàng là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu có thể là bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và đăng ký tập trung tại VSD.	Chỉnh sửa để ngắn gọn và phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán về công ty đại chúng.

33	Khoản 3 Điều 25	<p>Trường hợp <del>cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy</del> dưới hình thức khác thì <del>cổ đông</del> được Ngân hàng cấp lại <del>cổ phiếu</del> theo đề nghị của <del>cổ đông</del> đó. Đề nghị của <del>cổ đông</del> phải <del>có cam đoan</del> về các nội dung sau đây:</p> <p>a. <del>Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy</del> dưới hình thức khác; trường hợp <del>bị mất</del> thì <del>cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức</del> và nếu tìm lại được sẽ <del>đem trả</del> Ngân hàng để <del>tiêu hủy</del>;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại <del>cổ phiếu</del> mới.</p> <p>Đối với <del>cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam</del>, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp <del>cổ phiếu</del> mới, người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng <del>có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy</del> dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ <del>đề nghị</del> Ngân hàng cấp <del>cổ phiếu</del> mới.</p>	<p>Trường hợp <del>cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại</del> dưới hình thức khác thì <del>cổ đông</del> được Ngân hàng cấp lại <del>cổ phiếu</del> theo đề nghị của <del>cổ đông</del> đó. Đề nghị của <del>cổ đông</del> phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về <del>cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại</del> dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại <del>cổ phiếu</del> mới.</p>	<p>Chính sửa để phù hợp với khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>
34	Điểm c, d khoản 1 Điều 26	<p>c. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào <del>Sổ đăng ký cổ đông</del>; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành <del>cổ đông</del> của Ngân hàng.</p> <p>d. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng phải phát hành và <del>trao cổ phiếu</del> cho người mua. Ngân hàng <del>có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu</del>. Trong trường hợp này, các thông tin</p>	<p>c. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin <del>họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người mua là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với người mua là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại; ngày đăng ký cổ phần</del> được ghi đúng, ghi đủ vào <del>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</del>; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành <del>cổ</del></p>	<p>Chính sửa để phù hợp với sự thay đổi tại Điều 26 của Điều lệ và Luật Chứng khoán.</p>

		<p>về cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.</p>	<p>đồng của Ngân hàng.</p> <p>d. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng phải phát hành và trao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phần chưa lưu ký, hoặc các thông tin của cổ đông nêu tại điểm c Khoản này được ghi nhận trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do VSD quản lý là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng. Đối với cổ phần đã lưu ký, cổ phiếu sẽ được hạch toán thẳng vào tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD theo đăng ký của cổ đông.</p>	
35	Tiết (iii) điểm b khoản 4 Điều 26	<p>Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng;</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <del>chào bán</del> cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. <del>Chào bán</del> phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên,</p>	<p>Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng;</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <del>văn bản</del> <b>đồng ý bán</b> cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn <b>30 (ba mươi)</b> ngày, kể từ ngày thông báo. <b>Văn bản đồng ý bán cổ phần</b> phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý</p>	<p>Chỉnh sửa về từ ngữ để phù hợp với Điều 133 Luật Doanh nghiệp.</p>

		<p>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	
36	Khoản 7- 9, 13 Điều 26	<p><del>7. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin về người mua quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.</del></p> <p><del>8. Việc chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật các TCTD và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do HĐQT quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng phải ghi đúng và đầy đủ những thông tin quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng.</del></p> <p><del>9. Trình tự thủ tục xin thay đổi cổ phần có ghi tên của cổ đông phải thực hiện theo đúng quy</del></p>	<p><i>Lược bỏ</i></p>	<p>Do không còn phù hợp với hoạt động của Ngân hàng, các quy định của Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng có niêm yết.</p>



		<p>định của Pháp luật.</p> <p><del>13. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng được thực hiện theo quy định của NHNN.</del></p>		
37	Khoản 1, 2 Điều 27	<p><b>Sổ đăng ký cổ đông</b></p> <p><del>1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</del></p> <p><del>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</del></p> <p><del>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</del></p> <p><del>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</del></p> <p><del>d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</del></p> <p><del>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</del></p> <p><del>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong Sổ</del></p>	<p>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và xác lập danh sách cổ đông</p> <p><b>1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:</b></p> <p>a. Chứng khoán của Ngân hàng được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD;</p> <p>b. Ngân hàng đăng ký thông tin về Ngân hàng, chứng khoán của Ngân hàng và người sở hữu chứng khoán với VSD;</p> <p>c. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được lập và lưu giữ tại VSD. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của Ngân hàng được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông này;</p> <p>d. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSD. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông;</p> <p>e. Ngân hàng phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách cổ đông</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với Luật Chứng khoán về công ty đại chúng.</p>

		<del>đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</del>	<b>theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của VSD từng thời kỳ.</b>	
38	Điểm khoản Điều 27	a 3 <del>Ngân hàng quy định</del> cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ đông mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên.	<b>HDQT quyết định</b> cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ <b>phần</b> mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên.	Chỉnh sửa để làm rõ cấp có thẩm quyền của Ngân hàng.
39	Điểm khoản Điều 28	e 1 <del>Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;</del>	<i>Lược bỏ</i>	Nội dung này đã quy định cụ thể tại các điều khoản khác của Điều lệ.
40	Điểm khoản Điều 28	i 1 <del>Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại ngân hàng khi ngân hàng giải thể hoặc phá sản. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về giải thể và phá sản;</del>	Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại ngân hàng khi ngân hàng giải thể hoặc phá sản theo quy định của Pháp luật về giải thể và phá sản;	Chỉnh sửa để tránh trùng lặp.
41	Điểm khoản Điều 28	j 1 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
42	Điểm khoản Điều 28	b 2 <del>Yêu cầu triệu tập họp DHDGD trong những trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này;</del>	<i>Lược bỏ</i>	Để ngắn gọn và nội dung này đã thể hiện tại điểm d khoản 2 Điều 28 Điều lệ.
43	Điểm khoản Điều 28	d 2 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
44	Khoản Điều 28	3 <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập</del>	<i>Lược bỏ</i>	Để phù hợp với Luật các TCTD và nội dung này đã thể

		<p>hợp DHDGD trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. HDQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b. Nhiệm kỳ của HDQT đã vượt quá 6 (sáu) tháng mà HDQT mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp DHDGD phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp DHDGD. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HDQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>		hiện tại Điều 31 Điều lệ.
45	Điểm khoản 5 Điều 28	<p>b</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm</p>	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.

		từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	(05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.	
46	Khoản 7 Điều 28	<p><del>Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có thêm các quyền sau:</del></p> <p><del>a. Tự mình hoặc nhân danh Ngân hàng khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</del></p> <p><del>(i) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Ngân hàng theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;</del></p> <p><del>(ii) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</del></p> <p><del>(iii) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</del></p> <p><del>(iv) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</del></p> <p><del>b. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo</del></p>	<del>Lược bỏ</del>	Lược bỏ để phù hợp với Luật các TCTD, tránh trùng lặp nội dung và các quyền này thực hiện theo quy định của Pháp luật từng thời kỳ.

		<p>quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Ngân hàng được tính vào chi phí của Ngân hàng, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>e. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>			
47	Điểm khoản Điều 29	g 1	Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;	Chuyển điểm g xuống cuối điều khoản	Sắp xếp lại các điểm.
48	Điểm khoản Điều 29	i 1	Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;	Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
49	Khoản Điều 30	3	ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại Điểm k và l Khoản 2 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm k và l khoản 2 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
50	Điểm khoản Điều 31	c 4	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý	Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 59 Luật các TCTD.

		<del>hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</del>		
51	Khoản 7 Điều 31	<del>Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</del>	Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 30.6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b>theo quy định Pháp luật có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp ĐHĐCĐ</b> theo quy định của <b>Pháp luật</b> và Điều lệ này.	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
52	Khoản 1 Điều 32	<del>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.</del>	Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên <b>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</b> của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	Chỉnh sửa để phù hợp với thay đổi tại Điều 26 của Điều lệ sửa đổi.
53	Khoản 3 Điều 32	<del>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định do HĐQT Ngân hàng ban hành.</del>	<b>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của chính cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</b> thực hiện theo quy định do HĐQT Ngân hàng ban hành.	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
54	Khoản 1- 3 Điều 33	<del>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa</del>	<b>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</b> 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định <b>Pháp luật</b> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 1, 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

		<p><del>điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.</del></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <del>Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này</del> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, <del>số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng</del>, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p><b>c. Những vấn đề kiến nghị không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/ hoặc không phù hợp với các quy định của Pháp luật.</b></p>	<p>bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3.2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p><b>c. Những vấn đề kiến nghị không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và/ hoặc không phù hợp với các quy định của Pháp luật.</b></p>	
55	Điểm khoản 2 Điều 37	<p>a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa</p>	<p>Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p>

		thi Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	người làm chủ tọa thi Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
56	Điểm khoản Điều 37	d 2 ĐHĐCĐ bầu <del>không</del> quá năm người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	ĐHĐCĐ bầu <b>một hoặc một số người</b> vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	Chỉnh sửa để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
57	khoản Điều 37	4 Chủ tọa <del>và thư ký họp ĐHĐCĐ</del> có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều <del>khiến</del> cuộc họp một cách <del>hợp lý</del> , có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	<b>Chủ tọa</b> có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết <b>và hợp lý</b> để điều <del>hành</del> cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 4 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
58	Khoản Điều 37	7 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền: a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.	Người triệu tập họp <b>hoặc chủ tọa cuộc họp</b> ĐHĐCĐ có quyền sau đây: a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
59	Điểm khoản Điều 38	a 6 HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý	HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 37.5 Điều này</b> . Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về lập Danh sách cổ đông có quyền	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.



		kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định mời họp ĐHĐCĐ;	dự họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định mời họp ĐHĐCĐ;		
60	Điểm khoản Điều 39	d 1	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi <del>đến tất cả</del> <b>đồng</b> trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp;	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi <b>hoặc công bố thông tin theo quy định Pháp luật;</b>	Điều chỉnh để đảm bảo Ngân hàng tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
61	Khoản Điều 42	1	<del>Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng và đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Do không cần thiết, đã quy định chung tại khoản 2 Điều này.
62	Khoản Điều 42	7	Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của: a. Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát; b. Giám đốc NHNN Chi nhánh.	Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của: a. Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát; b. <b>Trưởng Ban Kiểm soát;</b> c. <b>Trưởng hợp khác theo quy định Pháp luật.</b>	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định của Pháp luật từng thời kỳ.
63	Khoản Điều 42	8	Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung khác (ngoài các nội dung nêu tại Khoản 7 Điều này) có liên quan đến cuộc họp Ban Kiểm soát (thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở các quy định đối với cuộc họp HĐQT.	<b>Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ về các nội dung liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ này.</b>	Chỉnh sửa từ ngữ để rõ ràng, đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ.
64	Khoản Điều 43	1	HĐQT bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng	HĐQT bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.

		<p>Giám đốc, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 45 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định phân công nội bộ của HĐQT.</p>	<p>Giám đốc, trừ trường hợp quy định tại khoản 44.1 và 44.3 Điều 44 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy định phân công nội bộ của HĐQT.</p>	
65	Khoản 1 Điều 44	<p>1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của Ngân hàng:</p> <p>a. Người thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của Pháp luật về cán bộ, công chức và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>c. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị</p>	<p><b>i. Các trường hợp khác theo quy định Pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung điểm i để đảm bảo Ngân hàng luôn tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.</p>

	<p>tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>d. Người đại diện theo Pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm Pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>e. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>f. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;</p> <p>g. Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là Tổng Giám đốc của Ngân hàng.</p> <p>h. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn,</p>		
--	--	--	--

		<p>mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.</p>		
66	Khoản 2 Điều 44	<p>Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của Ngân hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</li> <li>c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</li> <li>d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;</li> <li>e. Cán bộ, công chức, Người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;</li> <li>f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.</li> </ul>	<p><b>g. Các trường hợp khác theo quy định Pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung điểm g để đảm bảo Ngân hàng luôn tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.</p>

67	Điều 47	<b>Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</b>	<b>Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị</b>	Chỉnh sửa tên điều khoản để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
68	Khoản 2 Điều 48	<p>HDQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của Pháp luật.</p> <p>a. <del>Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT.</del></p> <p>b. <del>Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.</del></p> <p>c. <del>Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</del></p>	<p>HDQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 47.1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của Pháp luật.</p> <p>a. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 47.1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT.</p> <p>b. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 47.1 Điều này, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>c. Trường hợp Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 47.1 Điều này hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, HĐQT phải có Quyết định cử ngay một <b>Thành viên HĐQT (không là Chủ tịch</b></p>	Chỉnh sửa để cấp có thẩm quyền của Ngân hàng ra các quyết định phù hợp với sự kiện và hoàn cảnh cụ thể, trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật các TCTD về thẩm quyền của NHNN đối với việc bổ nhiệm các chức danh của TCTD.

		<p>khi chưa có người thay thế, HĐQT phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng để đảm bảo Ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát và NHNN Chi nhánh). Người được cử điều hành Ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.</p>	<p><b>HĐQT</b>/Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng để đảm bảo Ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát và NHNN Chi nhánh). Người được cử điều hành Ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này. <b>Người được cử điều hành có thể được bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc và có toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn (bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật (nếu có)) của Tổng Giám đốc.</b></p>	
69	Khoản 1 Điều 49	<p>Chủ tịch, Thành viên HĐQT; Trưởng ban, Thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</li> <li>Có đơn xin từ chức gửi HĐQT, Ban Kiểm soát của Ngân hàng;</li> <li>Không tham gia hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 46 và 47 của Điều lệ này;</li> <li>Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.</li> </ol>	<p>Chủ tịch, Thành viên HĐQT; Trưởng Ban, Thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</li> <li>Có đơn xin từ chức <b>hoặc từ nhiệm</b> gửi HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng;</li> <li>Không tham gia hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 45 và 46 của Điều lệ này;</li> <li>Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.</li> <li><b>Các trường hợp khác theo quy định Pháp luật.</b></li> </ol>	<p>Chỉnh sửa điểm b và bổ sung điểm f để phù hợp với thực tế hoạt động và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.</p>

70	Khoản 3 Điều 49	<p>Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó:</p> <p>a. Trong thời hạn tối đa <del>60 (sáu mươi)</del> ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục <del>miễn nhiệm và bầu Chủ tịch HĐQT</del> thay thế;</p> <p>b. Trong thời hạn tối đa <del>60 (sáu mươi)</del> ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục <del>miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát</del> thay thế.</p> <p>c. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định;</p> <p>d. Trong thời hạn tối đa <del>60 (sáu mươi)</del> ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Điều lệ này, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều này,</p>	<p>Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 48.1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó:</p> <p>a. Khi nhận đơn xin từ chức <b>hoặc từ nhiệm</b> của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục bầu Chủ tịch HĐQT thay thế.</p> <p>b. Khi nhận đơn xin từ chức <b>hoặc từ nhiệm</b> của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế;</p> <p>c. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 48.1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định;</p> <p>d. <b>Khi</b> Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 47.1 Điều 47 của Điều lệ này, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 48.1 Điều này, HĐQT phải tiến hành các thủ tục đề nghị NHNN bổ nhiệm hoặc chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.</p>	<p>Chính sửa đề cấp có thẩm quyền của Ngân hàng ra các quyết định phù hợp với sự kiện và hoàn cảnh cụ thể, trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật các TCTD về thẩm quyền của NHNN đối với việc bổ nhiệm các chức danh của TCTD.</p>
----	--------------------	--	--	---

		HDQT phải tiến hành các thủ tục đề nghị NHNN bổ nhiệm hoặc chuẩn y việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định.		
71	Điều 54	<p><b>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc</b></p> <p><del>1. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HDQT, thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ xem xét, quyết định; thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do HDQT xem xét, quyết định.</del></p> <p>2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HDQT, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a. Ngân hàng có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên HDQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;</p> <p>b. Thành viên HDQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HDQT và mức thù lao mỗi ngày. HDQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HDQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>c. Thành viên HDQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p>	<p><b>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HDQT, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của HDQT, Ban Kiểm soát;</p> <p>2. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HDQT:</p> <p>a. Thành viên HDQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HDQT và mức thù lao mỗi ngày. HDQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HDQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>b. Thành viên HDQT làm việc tại các Ủy ban của HDQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HDQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HDQT có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của HDQT;</p> <p>c. Thành viên HDQT có quyền được thanh</p>	Chỉnh sửa và cơ cấu thứ tự điều khoản để ngắn gọn, rõ nghĩa và tuân thủ Điều 59 Luật các TCTD.



	<p>d. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc Thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của HĐQT;</p> <p>e. <del>Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng;</del></p> <p>f. <del>Thù lao của các thành viên HĐQT và tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</del></p> <p>3. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao, tiền lương và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định mức tổng thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;</p> <p>b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán</p>	<p>toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>3. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định mức tổng thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;</p> <p>b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.</p> <p>4. Ngân hàng có quyền trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do HĐQT xem xét, quyết định.</p> <p>5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.</p>	
--	---	---	--

		<p>chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác;</p> <p><del>e. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.</del></p>		
72	Khoản 26 Điều 55	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng ( <b>bao gồm cả các đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với hoạt động kinh doanh</b> ).	Chỉnh sửa để phù hợp với yêu cầu hoạt động từng thời kỳ.
73	Khoản 11, 12 Điều 56	11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm	11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho <b>một thành viên HĐQT khác (không phải Tổng Giám đốc)</b> thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận	Chỉnh sửa để rõ ràng và phù hợp với quy định của Luật các TCTD.

		<p>nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.</p> <p>12. Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn nếu cần thiết.</p>	<p>thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.</p> <p>12. Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn cho HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT.</p>	
74	Khoản 3 Điều 57	Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT bất thường theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT bất thường theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ này.	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
75	Khoản 7 Điều 57	Tham gia bỏ phiếu hoặc cho ý kiến về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT.	Tham gia bỏ phiếu hoặc cho ý kiến về việc bầu Chủ tịch HĐQT.	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định của Luật các TCTD.
76	Khoản 8 Điều 57	<del>Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng về việc chuyên nhượng cổ phần.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Nội dung này không rõ ràng và không cần thiết quy định trong Điều lệ.
77	Khoản 10 Điều 57	Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;	Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các trường hợp khác theo quy định Pháp luật;	Chỉnh sửa để đảm bảo Ngân hàng luôn tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
78	Khoản 11 Điều 57	<del>Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm</del>	Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch phải báo cáo theo quy định Pháp luật;	Chỉnh sửa để đảm bảo Ngân hàng luôn tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.

		<del>gần nhất trước thời điểm giao dịch;</del>		
79	Khoản 12 Điều 57	<del>Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</del>	Lược bỏ	Nội dung này không rõ ràng và không cần thiết quy định trong Điều lệ.
80	Khoản 13 Điều 57	Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó Tổng giám đốc, <del>người quản lý khác</del> trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng. Người <del>quản lý</del> được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do HĐQT quy định.	Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do HĐQT quy định.	Chỉnh sửa để phù hợp với các nguyên tắc quản lý, điều hành của Ngân hàng.
81	Khoản 15 Điều 57	Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của <del>Ngân hàng</del> và quy định Pháp luật.	Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật.	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Điều lệ.
82	Khoản 2 Điều 58	Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch HĐQT; b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 <del>thành viên HĐQT độc lập</del> ; c. Ban Kiểm soát hoặc <del>Trưởng Ban Kiểm soát</del> ; d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát; e. Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; f. <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</del> ; g. <del>Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh/thành</del>	Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch HĐQT; b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 <b>thành viên độc lập HĐQT</b> ; c. Ban Kiểm soát; d. Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác; e. Các trường hợp khác theo quy định Pháp luật.	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 59 Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp và nội dung lược bỏ đã được thể hiện tại điểm c.

		phổ nơi Ngân hàng đặt Trụ sở chính.			
83	Khoản Điều 58	3	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại <del>Điểm b, c, d, e, f và g</del> thuộc Khoản 2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại <b>khoản 57.2 Điều này</b> , Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.	Chỉnh sửa để phù hợp với dẫn chiếu tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ sửa đổi.
84	Khoản Điều 58	5	Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan phải được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng trước thời gian họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.	Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan phải được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng trước thời gian họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu <b>biểu quyết</b> cho những thành viên HĐQT không thể dự họp <b>trực tiếp</b> . Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.	Chỉnh sửa để rõ nghĩa.
85	Khoản Điều 58	6	Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền được triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai	Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền được triệu tập tiếp cuộc họp	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

		<p>trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p>	<p>HĐQT lần hai trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và <b>biểu quyết</b> nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p>	
86	Khoản 7 Điều 58	<p><del>Chủ tọa phiên họp HĐQT trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.</del></p>	<i>Lược bỏ</i>	Do không cần thiết quy định tại Điều lệ.
87	Điểm c, d khoản 8 Điều 58	<p><del>e. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa</del></p>	<i>Lược bỏ</i>	Do không cần thiết quy định tại Điều lệ.

		<p>được biết rõ;</p> <p>d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;</p>		
88	Điểm khoản 8 Điều 58	<p>c Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:</p> <p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:</p> <p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và <b>biểu quyết</b> nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <b>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</b>;</p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p>
89	Khoản 9 Điều 58	<p><del>Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến ký kết với Ngân hàng, phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT. Tại đây, HĐQT sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.</del></p>	<p><b>Thành viên HĐQT thực hiện công khai, báo cáo với HĐQT các lợi ích liên quan theo quy định Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.</b></p>	<p>Chỉnh sửa để đảm bảo tính xúc tích, ngắn gọn và vẫn đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật trong từng thời kỳ.</p>
90	Khoản 11	<p><del>Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào Sổ</del></p>	<p><b>Cuộc họp HĐQT phải được lập thành Biên</b></p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với</p>

	Điều 58	biên bản. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp ký tên. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên HĐQT tham dự họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp cho các thành viên HĐQT và những Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày gửi Biên bản.	bản họp bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Chủ tọa, Thư ký và những người ký tên trong Biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT.	Luật Doanh nghiệp.
91	Khoản 5 Điều 60	Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu xét thấy cần thiết). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	Việc kiểm phiếu, lập biên bản tổng hợp ý kiến phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác do Chủ tịch HĐQT yêu cầu. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	Chỉnh sửa để đảm bảo tính rõ ràng và phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.
92	Khoản 6 Điều 60	Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Chỉnh sửa để đảm bảo tính xúc tích, ngắn gọn. Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ được sử dụng tại Điều này.
93	Khoản 7 Điều 60	Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành	Biên bản tổng hợp ý kiến kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ được sử dụng tại Điều này.



		viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	
94	Khoản 8 Điều 60	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, <del>biên bản kiểm phiếu</del> , toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, <b>biên bản tổng hợp ý kiến</b> , toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	Chỉnh sửa để đảm bảo tính rõ ràng và phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.
95	Điểm e, g khoản 1 Điều 61	e. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của Pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; g. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;	e. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; g. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định pháp luật và thống nhất trong toàn văn bản.
96	Điều 63	<b>Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát</b> 1. Tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ này	<b>Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát</b> 1. Tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ	Lược bỏ khoản 8, 9 và bổ sung quy định chung để đảm bảo tuân thủ quy định pháp

		<p>và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p> <p>2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.</p> <p>4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p><del>8. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.</del></p> <p><del>9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.</del></p>	<p>này và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p> <p>2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.</p> <p>4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p><b>8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật và Điều lệ này.</b></p>	<p>luật từng thời kỳ.</p>
97	Khoản 1 Điều 64	<p><del>Tổng Giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT và Pháp luật trong việc điều hành</del></p>	<p><del>Tổng Giám đốc là Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT và Pháp luật trong việc điều hành</del></p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với thay đổi tại khoản 2 Điều 2 Điều lệ.</p>

		hoạt động Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.	hoạt động Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.	
98	Khoản 15 Điều 64	<del>Ủy quyền bằng văn bản với tư cách Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc cá nhân khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật</del>	<i>Lược bỏ</i>	Để phù hợp với thay đổi tại khoản 2 Điều 2 Điều lệ.
99	Điều 65 và Điều 68	<p><b>Điều 65. Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>Ngân hàng thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo việc điều hành của Ngân hàng được thông suốt, an toàn và đúng Pháp luật đối với mọi hoạt động nghiệp vụ.</del></li> <li><del>Cơ chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ được thiết kế, thiết lập, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Ngân hàng.</del></li> <li><del>Ngân hàng phải thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành Pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp và các Công ty con.</del></li> <li><del>Hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</del></li> </ol> <p><b>Điều 68 Hệ thống kiểm soát nội bộ</b></p>	<p><b>Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với Luật các TCTD, hướng dẫn của NHNN, các quy định của Pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.</li> <li>Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</li> <li>Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</li> <li>Tuân thủ Pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ;</li> </ol> </li> </ol>	Gộp Điều 68 vào Điều 65, theo đó lược bỏ Điều 68 để đảm bảo tránh trùng lặp.

	<p>1. Ngân hàng phải thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng Pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng.</p> <p>2. Ngân hàng phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành Pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại Trụ sở chính, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp và các Công ty con.</p> <p>3. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.</p> <p>4. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c. Tuân thủ Pháp luật và các quy chế, quy</p>	<p>d. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>e. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;</p> <p>f. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho Ngân hàng.</p> <p>3. Hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</p>	
--	--	--	--

		<p>trình, quy định nội bộ;</p> <p>d. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>e. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;</p> <p>f. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho Ngân hàng.</p>		
100	Điều 67	<p><b>Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn cơ bản sau:</p> <p>a. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ;</p> <p>b. Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Trưởng kiểm toán nội bộ; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ.</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác do Ngân hàng quy định.</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định về nhân sự thuộc bộ máy kiểm toán nội bộ thực</p>	Lược bỏ	Do không cần thiết quy định tại Điều lệ, nội dung này sẽ được quy định tại văn bản nội bộ khác của Ngân hàng.

		hiện theo quy định của Ngân hàng do HĐQT ban hành trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.		
101	Khoản 1 Điều 69	Chế độ tài chính của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của <del>Chính phủ</del> .	Chế độ tài chính của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của <b>Pháp luật</b> .	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
102	Điều 72	<b>Các quỹ dự trữ</b> Ngân hàng được trích lập các quỹ sau: 1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. 2. Quỹ dự phòng tài chính. 3. <del>Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.</del> 4. <del>Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.</del> 5. Quỹ khen thưởng. 6. Quỹ phúc lợi. 7. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật.	<b>Các quỹ dự trữ</b> Ngân hàng được trích lập các quỹ sau: 1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. 2. Quỹ dự phòng tài chính. 3. Quỹ khen thưởng. 4. Quỹ phúc lợi. 5. Các quỹ khác theo quy định của Pháp luật.	Lược bỏ khoản 3, 4 do không cần quy định trong Điều lệ, thực hiện theo quy định pháp luật.
103	Khoản 2 Điều 74	Ngân hàng sẽ lập sổ sách kế toán <del>bằng tiếng Việt. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh.</del> Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.	Ngân hàng sẽ lập sổ sách kế toán <b>theo quy định Pháp luật</b> . Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
104	Khoản 1 Điều 75	Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ <del>định kỳ theo quy định của NHNN.</del>	Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Pháp luật.	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
105	Khoản 4 Điều 75	<del>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định</del>	Ngân hàng phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của Pháp luật.	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.

		của Pháp luật.		
106	Khoản 2 Điều 76	Ngân hàng công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Ngân hàng công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn theo quy định của <b>Pháp luật</b> .	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
107	Khoản 5, 6 Điều 79	<del>5. HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó. 6. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp ĐHĐCĐ, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Do không cần thiết quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
108	Điều 80	Điều 80. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<b>Quyền xem xét, tra cứu sổ sách và hồ sơ</b>	Chỉnh sửa tiêu đề để phù hợp với Điều 53 Luật các TCTD và Điều 122 Luật Doanh nghiệp
109	Khoản 1 Điều 80	<del>Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thăm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của ĐHĐCĐ trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ của cổ đông mà người đó đại diện.</del>	<b>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của chính cổ đông theo quy định của Ngân hàng và có quyền xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ.</b>	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 53 Luật các TCTD và Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

110	Khoản 2 Điều 80	Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra <b>Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</b> của Ngân hàng, danh sách cổ đông và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Chỉnh sửa để phù hợp với sự thay đổi tại Điều 26 Điều lệ sửa đổi và Luật chứng khoán.
111	Khoản 3 Điều 80	Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, báo cáo tài chính hàng năm đã được xác thực của kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và các cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, báo cáo tài chính hàng năm đã được xác thực của kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính.	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động.
112	Khoản 4 Điều 80	Điều lệ này được công bố trên website của Ngân hàng. <del>Các cổ đông có quyền nhận được một bản sao Điều lệ miễn phí do Ngân hàng cung cấp, nếu có yêu cầu.</del>	Điều lệ này được công bố trên <b>trang thông tin điện tử</b> của Ngân hàng.	Diễn đạt lại để phù hợp với thực tế hoạt động.
113	Điều 81	<del><b>Người lao động và công đoàn</b> Ngân hàng phải xây dựng các quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động</del>	<b>Người lao động và công đoàn</b> Ngân hàng phải xây dựng các quy định liên quan đến: <b>I. Việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi,</b>	Chỉnh sửa để ngắn gọn, rõ nghĩa.



		<del>của Ngân hàng cũng như các mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận, phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ và Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của Ngân hàng và quy định liên quan của Pháp luật.</del>	<b>khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng.</b> <b>2. Hoạt động của công đoàn Ngân hàng thực hiện theo quy định Pháp luật.</b>	
114	Khoản 1 Điều 82	Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;	Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; <b>trích lập các quỹ của Ngân hàng và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</b>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.
115	Khoản 3 Điều 82	<del>Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ số tiền hay một khoản tiền nào khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại Ngân hàng.</del>	Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ <b>khoản cổ tức nào mà cổ đông được hưởng.</b>	Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế thực hiện.
116	Khoản 4 Điều 82	<del>HDQT có thể đề nghị ĐHDCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HDQT là cơ quan thực thi nghị quyết này của ĐHDCĐ.</del>	<b>Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản khác.</b>	Chỉnh sửa để ngắn gọn, rõ nghĩa phù hợp với quy định của Pháp luật.
117	Khoản 5-12 Điều 82	<del>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt thì Ngân hàng sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa</del>	<b>5. Thủ tục chi trả cổ tức thực hiện theo quy định của Pháp luật.</b> <b>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.</b>	Lược bỏ khoản 5, 6, 10, 11, 12 và gộp với khoản 9 để đảm bảo tuân thủ pháp luật từng thời kỳ. Lược bỏ khoản 7, 8 do không cần thiết và thực hiện theo quy định pháp luật về chứng



		<p>sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p> <p>11. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.</p> <p>12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký theo quy định liên quan của Pháp luật.</p>		
118	Điều 83	<p><b>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b></p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật</p>	Lược bỏ	Gộp với Điều 82 để đảm bảo sự xúc tích.
119	Khoản 1 Điều 84	Mẫu dấu của Ngân hàng do HĐQT quyết định hoặc phân cấp cho cấp có thẩm quyền khác quyết định.	Mẫu dấu của Ngân hàng do HĐQT quyết định hoặc phân cấp cho cấp có thẩm quyền khác quyết định <b>theo quy định Pháp luật.</b>	Chỉnh sửa để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
120	Khoản 1	Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản,	Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản,	Chỉnh sửa phù hợp với khoản

	Điều 88	việc thanh lý Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.	việc thanh lý <b>tài sản của</b> Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.	1 Điều 156 Luật các TCTD.
121	Điều 90	Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày <del>28/04/2022</del> , và thay thế Điều lệ của Ngân hàng có hiệu lực kể từ ngày 14/09/2021.	Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày / /2023, và thay thế Điều lệ của Ngân hàng có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2022 và Quyết định số 551/2023/QĐ-LienVietPostBank của Người đại diện theo pháp luật sửa đổi nội dung về mức vốn điều lệ tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt ngày 18/01/2023.	Chỉnh sửa để đảm bảo sự rõ ràng về hiệu lực của Điều lệ.

Lưu ý: Do có sự thay đổi số điều khoản nên dẫn chiếu trong một số nội dung không đề cập tại Bản thuyết minh này có thể thay đổi, các nội dung điều chỉnh sẽ được Ngân hàng chủ động rà soát và cập nhật, đồng thời chỉnh sửa lỗi trình bày khi ban hành bản Điều lệ toàn văn.

**PHỤ LỤC 02:**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**

(Đính kèm Tờ trình số: 369/2023/TTr-HĐQT ngày 31/03/2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN HIỆN TẠI	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI (Nội dung gạch giữa (abe) là những nội dung lược bỏ)	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA (Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)	CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA
1	Tên văn bản	Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	<b>Quy chế Nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</b>	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Chứng khoán
2	Điều 1	<p><del>Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</del></p> <p>1.1. Quy chế này quy định về những vấn đề liên quan đến quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và quy định về những nguyên tắc cơ bản trong quản trị, điều hành Ngân hàng nhằm:</p> <p>a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, Ngân hàng; và</p> <p>b) Đảm bảo Ngân hàng hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, hướng tới các chuẩn mực thông lệ về quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất, đồng thời ngăn ngừa và hạn chế tối đa rủi ro.</p> <p>1.2. Những nguyên tắc cơ bản của Quy chế này áp dụng đối với tất cả các Bộ phận trong Bộ máy tổ chức của Ngân hàng, bao gồm: Đại hội</p>	<p><b>Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1.1. Quy chế này quy định về những nguyên tắc cơ bản trong quản trị, điều hành Ngân hàng nhằm:</p> <p>a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, Ngân hàng; và</p> <p>b) Đảm bảo Ngân hàng hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, hướng tới các chuẩn mực thông lệ về quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất, đồng thời ngăn ngừa và hạn chế tối đa rủi ro.</p> <p>1.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cơ cấu tổ chức quản lý, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng.</p>	Chỉnh sửa để ngắn gọn, tránh trùng lặp

1



		<del>đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc trong toàn hệ thống Ngân hàng.</del>		
3	Khoản Điều 2	2.1 Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: a) <del>Ngân hàng: Là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt;</del> b) <del>Người quản lý: Là Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Ngân hàng;</del> e) <del>Người điều hành: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành trong đương của Ngân hàng do HĐQT quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;</del> d) Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;	a) Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: (i) Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc; (ii) <b>Người phụ trách quản trị: Là người do HĐQT bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị Ngân hàng, thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Quy chế này.</b> b) Các từ ngữ, thuật ngữ khác được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	- Lược bỏ các thuật ngữ đã được quy định trong Điều lệ sửa đổi. - Bổ sung giải thích cho thuật ngữ " <b>Người phụ trách quản trị</b> " được sử dụng trong Quy chế. - Bổ sung quy định dẫn chiếu đến các thuật ngữ đã quy định trong Điều lệ sửa đổi.
4	Điểm khoản Điều 2	a 2.2 Luật các TCTD: Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;	Luật các TCTD: Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;	Chỉnh sửa khái niệm Luật các TCTD để phù hợp với văn bản sửa đổi, bổ sung.
5		Chưa quy định	Bổ sung điểm b Khoản 2.2 Điều 2: <b>Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</b>	Bổ sung từ viết tắt Luật Doanh nghiệp để sử dụng trong Quy chế.
6	Điều 3	<b>Các nguyên tắc quản trị của Ngân hàng</b> 3.1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;	<b>Các nguyên tắc quản trị của Ngân hàng</b> 3.1. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định của Điều 40 Luật Chứng khoán.



Handwritten signature or initials in the bottom right corner.

		<p>3.2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;</p> <p>3.3. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của NHNN từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;</p> <p>3.4. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</p> <p>3.5. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	<p>3.2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, <b>đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;</b></p> <p>3.3. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Ngân hàng công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của NHNN từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế;</p> <p>3.4. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, <b>hiệu quả;</b></p> <p>3.5. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát;</p> <p>3.6. <b>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng;</b></p> <p>3.7. <b>Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Ngân hàng;</b></p> <p>3.8. <b>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</b></p>	
7	Điều 4	<p><b>Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng</b></p> <p>4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Tổng Giám đốc</p> <p>4.2. <del>HĐQT có thẩm quyền thành lập các Ủy ban hoặc bộ phận khác thực hiện chức năng tư</del></p>	<p><b>Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng</b></p> <p>4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Tổng Giám đốc.</p> <p>4.2. Bộ máy quản lý điều hành của Ngân</p>	<p>Chính sửa để thống nhất với Điều lệ sửa đổi</p>

		vấn, tham mưu, giúp HĐQT thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.	hàng bao gồm: a) Tổng Giám đốc; b) Các Phó Tổng Giám đốc; c) Kế toán trưởng	
8	Khoản 5.3 Điều 5	Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. <del>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Pháp luật.</del>	Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình theo quy định của Pháp luật.	Chỉnh sửa để phù hợp với khoản 4 Điều 153 và Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
9	Điều 6	<b>Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> 6.1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ: a) <del>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.</del> b) <del>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</del> c) <del>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi</del>	<b>Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> 6.1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ: <b>a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng và theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</b> b) Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. 6.2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự họp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ Ngân hàng. 6.3. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ: Các cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng có thể trực tiếp hoặc ủy	- Chỉnh sửa để ngắn gọn, nội dung chi tiết đã quy định trong Điều lệ sửa đổi. - Bổ sung quy định về thời gian công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông phù hợp với khoản 1 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4



		<p>tin sai lệch hoặc bỏ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định do HĐQT Ngân hàng ban hành.</p> <p>6.2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <p>a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quyết định của người triệu tập cuộc họp.</p> <p>b) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông là cá nhân hoặc tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>e) Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ul>	<p>quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p>	
--	--	--	---	--

		<p><del>✓</del> <del>Phiếu biểu quyết.</del></p> <p><del>Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp theo quy định trên có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và Ngân hàng phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</del></p> <p>6.3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHDCĐ:</p> <p>a) <del>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:</del></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><del>✓</del> <del>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</del></li> <li><del>✓</del> <del>Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</del></li> <li><del>✓</del> <del>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</del></li> <li><del>✓</del> <del>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</del></li> <li><del>✓</del> <del>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của HĐQT.</del></li> </ul> <p><del>Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì có thể ủy quyền cho một (một số) người dự họp ĐHDCĐ.</del></p> <p>b) <del>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHDCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản</del></p>		
--	--	--	--	--

		<p>ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</li> <li>✓ Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Chữ ký của người ủy quyền phải được đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu tổ chức thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền;</li> <li>✓ Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</li> </ul>		
10	Điểm b khoản 7.1	DHĐCD thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết	DHĐCD thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu	Chính sửa để phù hợp với Điều lệ sửa đổi.

	Điều 7	được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	
11	Khoản 7.4 Điều 7	<p>Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ:</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp:</p> <p>a) <del>Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</del></p> <p>b) <del>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.</del></p>	<p>Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ:</p> <p>a) Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, <b>cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định Pháp luật</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ <b>trong các trường hợp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu chi trả.</b></p> <p>b) Trong trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng các biện pháp khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	Chỉnh sửa để ngắn gọn, nội dung chi tiết đã quy định trong Điều lệ sửa đổi.
12	Khoản 7.5 Điều 7	<p>Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ:</p> <p><del>Các nội dung liên quan đến biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định sau:</del></p>	<p>Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ:</p> <p>a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu</p>	Chỉnh sửa để ngắn gọn, nội dung chi tiết đã quy định trong Điều lệ sửa đổi.

	<p>a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <del>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</del></li> <li>✓ <del>Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</del></li> <li>✓ <del>Chương trình và nội dung cuộc họp;</del></li> <li>✓ <del>Họ tên Chủ tọa và thư ký;</del></li> <li>✓ <del>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</del></li> <li>✓ <del>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</del></li> <li>✓ <del>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</del></li> <li>✓ <del>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</del></li> <li>✓ <del>Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</del></li> </ul> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được</p>	<p>giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài theo các hình thức và nội dung được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>d) <b>Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</b></p> <p>e) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi hoặc công bố thông tin theo quy định Pháp luật.</p> <p>f) Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p>	
--	--	--	--

		<p>tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p> <p>d) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp;</p> <p>e) Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p>		
13	Điều khoản b 7.6 Điều 7	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.	Chỉnh sửa để phù hợp với Thông tư 96/2020/TT-BTC.
14	Điều 8	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của	Chỉnh sửa để ngắn gọn, nội dung chi tiết đã quy định trong Điều lệ

	<p><b>hội đồng cổ đông</b></p> <p>8.1. HDQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCD bất cứ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định mời họp ĐHĐCD;</p> <p>8.2. HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCD và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ được đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;</p> <p>8.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức và họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá</p>	<p><b>Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>8.1. HDQT quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCD bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng <b>trừ những trường hợp phải tổ chức cuộc họp theo Điều lệ Ngân hàng hoặc theo quy định của Pháp luật.</b></p> <p>8.2. Thủ tục lập và công bố thông tin danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện tương tự như thủ tục lập và công bố thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>8.3. HDQT chỉ đạo công tác chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCD và các tài liệu liên quan.</p> <p>8.4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho cổ đông theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>8.5. HDQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản trị, điều hành Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>8.6. Quyết định được thông qua theo hình</p>	<p>sửa đổi.</p>

	<p>nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành; không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;</p> <p>g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>8.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức:</p> <p>a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>8.5. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>8.6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm</p>	<p>thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>8.7. Nghị quyết ĐHĐCĐ, biên bản kiểm phiếu và tài liệu kèm theo phải được công bố trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi biên bản kết quả kiểm phiếu được thông qua.</p>	
--	---	--	--



		<p>phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản trị, điều hành Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</li> <li>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</li> <li>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>e) Các quyết định đã được thông qua;</li> <li>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch và của người giám sát kiểm phiếu.</li> </ul> <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>8.7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười</p>		
--	--	---	--	--

		<p>lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;</p> <p>8.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>8.9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>		
15	Điều 9	<p><b>Tiêu chuẩn và điều kiện với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</b></p> <p>Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p><b>Tiêu chuẩn và điều kiện với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị</b></p> <p>Thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
16	Điều 10	<p><b>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>10.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung</p>	<p><b>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>10.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công</p>	Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Quy chế này và Điều lệ sửa đổi.

	<p>thành, cân trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định Ngân hàng.</li> </ul> <p>Ngân hàng đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).</p> <p>10.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc đề cử phải được thực hiện bằng văn bản trong đó bao gồm các thông tin nêu tại Khoản 10.1 Điều này. Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử phải gửi văn bản đề cử ứng viên đến HĐQT theo đúng thời hạn tại Thông báo của HĐQT về việc đề cử thành viên HĐQT. HĐQT xem xét kiểm tra, nếu người được đề cử đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT thì HĐQT thực hiện thủ tục xin chấp thuận của NHNN và công bố thông tin ứng viên theo quy định tại Khoản 10.1 Điều này.</p>	<p>bổ và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cân trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định Ngân hàng.</li> </ul> <p>Ngân hàng đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).</p> <p>10.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc đề cử phải được thực hiện bằng văn bản trong đó bao gồm các thông tin nêu tại Khoản 10.1 Điều này. Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử phải gửi văn bản đề cử ứng cử viên đến HĐQT theo đúng thời hạn tại Thông báo của HĐQT về việc đề cử thành viên HĐQT. HĐQT xem xét kiểm tra, nếu người được đề cử đáp ứng đầy đủ các</p>	
--	--	--	--

		<p>10.3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 10.1 Điều này.</p>	<p>tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT thì HĐQT thực hiện thủ tục xin chấp thuận của NHNN và công bố thông tin ứng cử viên theo quy định tại Khoản 10.1 Điều này.</p> <p>10.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 10.1 Điều này.</p>	
17	Điều 15	<p><b>Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>15.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS</p>	<p><b>Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>15.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên</p>	<p>Chỉnh sửa để thống nhất cách diễn đạt tại Quy chế này và Điều lệ sửa đổi.</p>

	<p>được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định Ngân hàng.</li> </ul> <p>Ngân hàng đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên BKS (nếu có).</p> <p>15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền đề cử ứng viên BKS theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc đề cử phải được thực hiện bằng văn bản trong đó bao gồm các thông tin nêu tại Khoản 15.1 Điều này. Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử phải gửi văn bản đề cử ứng viên đến HĐQT theo đúng thời hạn tại Thông báo của HĐQT về việc đề cử thành viên BKS. HĐQT xem xét kiểm tra, nếu người được đề cử đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS thì BKS thực hiện thủ tục xin chấp thuận của NHNN và công bố thông tin ứng viên theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.</p> <p>15.3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể</p>	<p>BKS được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định Ngân hàng.</li> </ul> <p>Ngân hàng đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).</p> <p>15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền đề cử ứng cử viên BKS theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc đề cử phải được thực hiện bằng văn bản trong đó bao gồm các thông tin nêu tại Khoản 15.1 Điều này. Cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử phải gửi văn bản đề cử ứng cử viên đến HĐQT theo đúng thời hạn tại Thông báo của HĐQT về việc đề cử thành viên BKS. HĐQT xem xét kiểm tra, nếu người được đề cử đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS thì BKS thực hiện thủ tục xin chấp thuận của NHNN và công bố thông tin ứng cử viên theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.</p> <p>15.3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên</p>	
--	--	--	--

		<p>đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.</p>	<p>BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Việc BKS giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định tại Khoản 15.1 Điều này.</p>	
18	Điều 17	<p><b>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>17.1. <del>Trưởng ban, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</del></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) <del>Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</del></li> <li>b) <del>Có đơn xin từ chức hoặc từ nhiệm gửi HĐQT, Ban Kiểm soát của Ngân hàng;</del></li> <li>e) <del>Không tham gia hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</del></li> <li>d) <del>Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng;</del></li> <li>e) <del>Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</del></li> </ul> <p>17.2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian</p>	<p><b>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>Chỉnh sửa để ngắn gọn, nội dung chi tiết đã quy định trong Điều lệ sửa đổi, thống nhất cách diễn giải về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.</p>

		<p>đương nhiệm.</p> <p>17.3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước Pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó:</p> <p>a) Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế;</p> <p>b) Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p>		
19		<i>Chưa quy định</i>	<p>Bổ sung Điều 18:</p> <p><b>Điều 18. Các cuộc họp của Ban kiểm soát</b>  Các cuộc họp của BKS thực hiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo nêu đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động của BKS.</p>
20	Khoản 20.2 Điều 20	HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị. Người phụ	<b>HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác</b>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.</p>

		<del>trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng (Thư ký HĐQT) theo các quy định liên quan.</del>	<del>quản trị.</del>	
21	Điều 21	<p><b>Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị</b></p> <p>21.1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;</p> <p>21.2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;</p> <p>21.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>21.4. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>21.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>21.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;</p> <p>21.7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;</p> <p>21.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>21.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>Bổ sung Khoản 21.10:</p> <p><b>22.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</b></p>	<p>Bổ sung thêm Khoản 21.10 để phù hợp với Điều lệ sửa đổi và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.</p>
22	Khoản 26.1 Điều 26	<p>Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, BKS, TGD và người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <p>a) Tự nhận xét đánh giá;</p> <p>b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;</p>	<p>Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, BKS, TGD và người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <p>a) Tự nhận xét đánh giá;</p>	<p>Chỉnh sửa điểm (c) để phù hợp với thực tế hoạt động.</p>





		<ul style="list-style-type: none"> <li>e) Đánh giá hoạt động hằng năm <del>được tiến hành vào dịp cuối năm;</del></li> <li>d) Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm.</li> <li>e) Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;</li> <li>c) Đánh giá hoạt động hằng năm;</li> <li>d) Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm;</li> <li>e) Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.</li> </ul>	
23	Khoản 28.2 Điều 28	Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện <b>theo quy định Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng</b> và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.	Chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp với Điều lệ sửa đổi và tuân thủ quy định pháp luật từng thời kỳ.
24	Khoản 30.1 Điều 30	Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/04/2021, và thay thế Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số 547/2020/QC-HĐQT ngày 25/06/2020 của Hội đồng Quản trị.	Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2023, và thay thế Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số 272/2021/QC-HĐQT ngày 29/04/2021 của Hội đồng Quản trị.	Chỉnh sửa đảm bảo hiệu lực của văn bản.

**Lưu ý:** Do có sự thay đổi số điều khoản nên dẫn chiếu trong một số nội dung không đề cập tại Bản thuyết minh này có thể thay đổi, các nội dung điều chỉnh sẽ được Ngân hàng chủ động rà soát và cập nhật, đồng thời chỉnh sửa lỗi trình bày khi ban hành bản Quy chế toàn văn.

**PHỤ LỤC 03:**

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đính kèm Tờ trình số: 36/9/2023/TTr-HĐQT ngày 31/03/2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	ĐIỀU KHOẢN HIỆN TẠI	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI (Nội dung gạch ngang ( <del>abc</del> ) là những nội dung lược bỏ)	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA (Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)	CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA
1	Khoản 2.1 Điều 2	<p>Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <b>Ngân hàng:</b> Là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt;</p> <p>b) <b>Ủy ban:</b> Là các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác;</p> <p>c) <b>Người quản lý:</b> Là-Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Ngân hàng;</p> <p>d) <b>Người điều hành:</b> bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành tương đương của Ngân hàng do HĐQT quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;</p> <p>e) <b>Ban Tổng Giám đốc:</b> Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;</p>	<p>Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <b>Ngân hàng:</b> Là Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt;</p> <p>b) <b>Ủy ban:</b> Là các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác;</p> <p>c) <b>Người quản lý:</b> bao gồm Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;</p> <p>d) <b>Người điều hành:</b> bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh quản lý tương đương của Ngân hàng do HĐQT quy định phù hợp với yêu cầu của Pháp luật và quy định của NHNN;</p> <p>e) <b>Ban Tổng Giám đốc:</b> Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.</p>	<p>Chỉnh sửa giải thích từ ngữ “người quản lý” và “người điều hành” để phù hợp với khoản 31, khoản 32 Điều 4 Luật các TCTD.</p>
2	Điểm a khoản 2.2 Điều 2	<p><b>Luật các TCTD:</b> Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14;</p>	<p><b>Luật các TCTD:</b> Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</p>	<p>Chỉnh sửa khái niệm Luật các TCTD để phù hợp với văn bản sửa đổi, bổ sung.</p>



1

3	Khoản Điều 3	3.1	HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mọi hoạt động của Ngân hàng, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và Người đại diện pháp luật.	HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mọi hoạt động của Ngân hàng, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	Lược bỏ nội dung “và người đại diện theo pháp luật” để phù hợp với khoản 1 Điều 43 quy định Luật các TCTD.
4	Khoản Điều 3	3.4	HDQT phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 Thành viên HDQT độc lập. HDQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.	HDQT phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 <b>Thành viên độc lập HDQT</b> . HDQT phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
5	Khoản Điều 4	4.26	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng ( <b>bao gồm cả các đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với hoạt động kinh doanh</b> ).	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều lệ sửa đổi.
6	Điểm Khoản Điều 5	b 5.1	Duy trì văn hóa kiểm soát <del>quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN</del> và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp <del>quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư 13/2018/TT-NHNN</del> trong Ngân hàng.	Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp <b>theo quy định Pháp luật</b> .	Diễn đạt để ngắn gọn, tránh trùng lặp và vẫn đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật.
7	Khoản Điều 6	6.12	Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn nếu cần thiết.	Quyết định việc mời các chuyên gia tư vấn/cố vấn và thành lập các Hội đồng tư vấn/cố vấn <b>cho HDQT hoặc Chủ tịch HDQT</b> .	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.

8	Khoản 7.11 Điều 7	Hàng năm, trên cơ sở yêu cầu của Chủ tịch HĐQT/HĐQT, thành viên HĐQT <del>độc lập</del> có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.	Hàng năm, trên cơ sở yêu cầu của Chủ tịch HĐQT/HĐQT, thành viên <b>độc lập HĐQT</b> có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.	Chỉnh sửa để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
9	Khoản 7.12 Điều 7	Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ <del>các tổ chức khác</del> .	Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các <b>công ty con, công ty liên kết và các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật</b> .	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10	Khoản 7.13 Điều 7	Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất <del>các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty mẹ Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch</del> .	Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất về các <b>giao dịch phải báo cáo theo quy định Pháp luật</b> .	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.
11	Khoản 7.14 Điều 7	Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.	<i>Lược bỏ</i>	Để phù hợp khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
12	Điều 9	<b>Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</b>	Tiêu chuẩn, điều kiện đối với <b>thành viên độc lập Hội đồng Quản trị</b>	Chỉnh sửa tên điều khoản để phù hợp với thuật ngữ sử dụng tại Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD.
13	Khoản 10.2 Điều 10	HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT thường trực, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT.	HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT <b>trong số các thành viên HĐQT</b> .	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 2 Điều 59 Luật Doanh nghiệp.
14	Khoản 10.3 Điều 10	<del>HĐQT quyết định số lượng Phó Chủ tịch HĐQT từng thời kỳ</del> .	<i>Lược bỏ</i>	Lược bỏ để phù hợp với hoạt động thực tế.

15	Khoản 11.3 Điều 11	Trong thời hạn <del>tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày</del> Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 11.1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT.	<b>Trường hợp</b> Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 11.1 Điều này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên làm Chủ tịch HĐQT.	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
16	Khoản 12.1 Điều 12	Chủ tịch, <del>Phó Chủ tịch</del> , Thành viên HĐQT của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT của Ngân hàng; c. Không tham gia hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng; e. Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.	Chủ tịch, Thành viên HĐQT của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b) Có đơn xin từ chức <b>hoặc từ nhiệm</b> gửi HĐQT của Ngân hàng; c) Không tham gia hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng; e) Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập. f) <b>Các trường hợp khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng.</b>	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 1 Điều 36 Luật các TCTD và những nội dung chỉnh sửa trong toàn văn bản.
17	Khoản 12.3 Điều 12	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó: a. <del>Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để</del>	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của Pháp luật, trong đó: a) <b>Trường hợp</b> nhận đơn xin từ chức <b>hoặc từ nhiệm</b> của Chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục bầu Chủ tịch HĐQT thay thế;	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 3 Điều 36 Luật các TCTD.

		<p>xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch HĐQT thay thế;</p> <p>b. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 12.1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p>	<p>b) Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 12.1 Điều này, HĐQT có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p>	
18	Khoản 14.1 Điều 14	<p>Thành viên HĐQT, Ủy ban/Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc là cấp trình xin ý kiến HĐQT. Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định lấy ý kiến HĐQT đối với các nội dung, vấn đề cụ thể theo tờ trình (trường hợp đơn vị, cá nhân đặc biệt khác trình HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT).</p>	<p>Thành viên HĐQT, Ủy ban/Chủ tịch Ủy ban, Tổng Giám đốc là cấp trình xin ý kiến HĐQT.</p>	<p>Chỉnh sửa khoản 14.1 về cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.</p>
19		<p>Chưa quy định</p>	<p><b>14.2. Các cấp trình khác theo quyết định của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT từng thời kỳ.</b></p>	<p>Bổ sung khoản 14.2 để đảm bảo tính chủ động trong quản lý, điều hành.</p>
20	Khoản 15.2 Điều 15	<p>Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT;</p> <p>b. Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 thành viên HĐQT độc lập;</p> <p>c. Ban Kiểm soát hoặc Trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ</p>	<p>Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>a) Chủ tịch HĐQT;</p> <p>b) Ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT hoặc 01 thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>c) Ban Kiểm soát</p> <p>d) Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định Pháp luật.</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp. Đồng thời các trường hợp lược bỏ được quy định tại điểm e bổ sung.</p>

		<p>thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p> <p>g. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh/thành phố nơi Ngân hàng đặt Trụ sở chính.</p>		
21	Khoản 15.3 Điều 15	<p><del>Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.</del></p>	<i>Lược bỏ</i>	Do nội dung điều khoản đã được quy định tại khoản 15.2 Điều này.
22	Khoản 15.5 Điều 15	<p>Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm b, c, d, e, f và g thuộc Khoản 15.2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p>	<p>Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 15.2 Điều này, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p>	Chỉnh sửa để phù hợp với dẫn chiếu tại khoản 15.2 Điều này.
23	Khoản 15.7 Điều 15	<p><del>Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan phải được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng trước thời gian họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.</del></p>	<p><b>Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng</b></p>	Gộp nội dung khoản 15.7 và khoản 15.8 Điều này đồng thời điều chỉnh để phù hợp với nội dung khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

		Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.	thành viên HĐQT được đăng ký tại Ngân hàng.	
24	Khoản 15.8 Điều 15	Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp cần lấy ý kiến các thành viên HĐQT gấp để đảm bảo tiến độ công việc. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.		Lược bỏ nội dung khoản 15.8 do đã gộp nội dung với khoản 15.7 Điều này.
25	Khoản 15.10 Điều 15	Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận	Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và <b>biểu quyết</b> nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.
26	Khoản 15.11 Điều 15	Chủ tọa phiên họp HĐQT trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.	<i>Lược bỏ</i>	Do không cần thiết quy định quá chi tiết trong Quy chế và phù hợp với Điều lệ sửa đổi.



27	Khoản 15.12 Điều 15	<p>Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:</p> <p>a. Mỗi thành viên HĐQT tham dự họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.</p> <p>b. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;</p> <p><del>c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ;</del></p> <p>d. <del>Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;</del></p> <p>e. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:</p>	<p>Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:</p> <p>a) Mỗi thành viên HĐQT tham dự họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.</p> <p>b) Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;</p> <p>c) Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp:</p> <p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp <b>và biểu quyết</b> nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến; <b>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</b></p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>– Lược bỏ nội dung điểm c và d khoản 15.12 Điều này do quy định chung chung và sau khi lược bỏ phù hợp với nội dung Điều lệ sửa đổi.</p> <p>– Chính sửa điểm e khoản 15.12 để phù hợp với khoản 9, khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.</p>
----	------------------------	---	---	--

		<p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến <del>hoặc hình thức tương tự khác</del>;</p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>		
28	Khoản 15.13 Điều 15	<p>Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này</p>	<p>Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất</p>	<p>Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.</p>

		<p>là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p>	<p>thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp; các thành viên tham gia họp phải có trách nhiệm xác nhận lại bằng văn bản (việc không xác nhận lại không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quyết định tại cuộc họp).</p>	
29	Khoản 15.14 Điều 15	<p><del>Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến ký kết với Ngân hàng, phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT. Tại đây, HĐQT sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.</del></p>	<p>Thành viên HĐQT thực hiện công khai, báo cáo với HĐQT các lợi ích liên quan theo quy định Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.</p>	<p>Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.</p>
30	Khoản 15.16 Điều 15	<p><del>Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ thành Biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp ký tên. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên HĐQT tham dự họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT.</del></p>	<p>Chủ tọa, Thư ký và các thành viên HĐQT tham dự họp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp cho các thành viên HĐQT và những Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại</p>	<p>Chỉnh sửa để phù hợp khoản 1 và khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</p>

		Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp cho các thành viên HĐQT và những Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày gửi Biên bản.	liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày gửi Biên bản.	
31	Khoản 15.17 Điều 15	Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng của Ngân hàng.	Sau khi cuộc họp kết thúc, Thư ký cuộc họp soạn thảo, trình Chủ tịch HĐQT ký Nghị quyết phiên họp (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan, đồng thời lưu giữ tại Ngân hàng.	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.
32	Khoản 16.1 Điều 16	Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau: a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; (ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iii) Thời gian, địa điểm họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;	Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau: a) Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. <b>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</b> (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; (ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iii) Thời gian, địa điểm họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự	Chỉnh sửa để phù hợp Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

		<ul style="list-style-type: none"> <li>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> <li>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>(viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hợp và lý do;</li> <li>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> <li>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>(viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này.</li> </ul>	
33	Khoản 16.2 Điều 16	<del>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 16.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Do nội dung điều khoản đã được quy định tại khoản 16.1 Điều này.
34	Khoản 16.3 Điều 16	<del>Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp các biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.</del>	<i>Lược bỏ</i>	Do nội dung điều khoản đã được quy định tại khoản 16.1 Điều này.
35	Khoản 17.5 Điều 17	Việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu xét thấy cần thiết). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Việc kiểm phiếu và lập biên bản <b>tổng hợp ý kiến</b> phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác <b>theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT. Biên bản tổng hợp ý kiến</b> phải	Thay thuật ngữ “Biên bản kiểm phiếu” thành “Biên bản tổng hợp ý kiến” để phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

		<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).</p>	<p>có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền), Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).</p>	
36	Khoản 17.6 Điều 17	<p>Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải <del>hiên-đời</del> chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của <del>biên-bảnkiểm-phiếu</del>; <del>hiên-đời</del> chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Lược bỏ từ “liên đới” trong quy định để phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ sửa đổi.</p> <p>Thay thuật ngữ “Biên bản kiểm phiếu” thành “Biên bản tổng hợp ý kiến” để phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.</p>

37	Khoản 17.7 Điều 17	<del>Biên bản kết quả kiểm phiếu</del> kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	<b>Biên bản tổng hợp ý kiến</b> kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Thay thuật ngữ “Biên bản kiểm phiếu” thành “Biên bản tổng hợp ý kiến” để phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.
38	Khoản 17.8 Điều 17	<del>Phiếu lấy ý kiến</del> đã được trả lời, <del>biên bản kiểm phiếu</del> , toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, <b>biên bản tổng hợp ý kiến</b> , toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	Thay thuật ngữ “Biên bản kiểm phiếu” thành “Biên bản tổng hợp ý kiến” để phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.
39	Điểm a khoản 17.9 Điều 17	Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các Thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp các ý kiến đối lập có tỷ lệ 50/50 thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT chỉ định chủ trì việc lấy ý kiến (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt không thể gửi ý kiến);	Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các Thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp các ý kiến đối lập có <b>số phiếu ngang nhau</b> thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT chỉ định chủ trì việc lấy ý kiến (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt không thể gửi ý kiến);	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt để thống nhất với Điều lệ sửa đổi.
40	Điều 19	<b>Điều 19. Chế độ hội họp và đi công tác</b>	<b>Điều 19. Chế độ hội họp</b>	Chỉnh sửa tên điều khoản để phù hợp với nội dung điều chỉnh tại khoản 19.3 Điều này.
41	Khoản 19.1 Điều 19	Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT và các cuộc họp khác mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được thì cử người khác đi họp thay, <del>trừ trường hợp cơ quan/đơn vị mời họp không chấp nhận người thay thế.</del>	Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT và các cuộc họp khác mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được thì cử người khác đi họp thay.	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.

42	Khoản 19.3 Điều 19	<del>Thành viên HĐQT đi công tác ngoại tỉnh có trách nhiệm thông báo, giữ liên lạc thường xuyên với Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, thành viên Ban TGD mà mình trực tiếp phụ trách để kịp thời chỉ đạo, xử lý các công việc phát sinh.</del>	Lược bỏ	Không cần thiết chi tiết trong văn bản này. Nội dung này sẽ được quy định trong văn bản nội bộ khác (nếu có) của Ngân hàng.
43	Khoản 20.3 Điều 20	Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT được hưởng thù lao công vụ trong định mức tổng chi phí theo Nghị quyết của ĐHĐCD; cụ thể cho từng Thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT được hưởng thù lao, thưởng, các lợi ích khác và được thanh toán các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong ngân sách hoạt động của HĐQT đã được ĐHĐCD thông qua.	Chỉnh sửa để phù hợp khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD.
44	Điều 23	<b>Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Ban điều hành</b> Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	<b>Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Ban điều hành</b> HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác để TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản này.	Chỉnh sửa cách thức diễn đạt điều khoản để xúc tích, rõ ràng và thống nhất với Điều lệ sửa đổi.
45	Khoản 25.1 Điều 25	<del>Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/04/2021, và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 546/2020/QC-HĐQT ngày 25/6/2020 của Hội đồng Quản trị.</del>	Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2023, và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 273/2021/QC-HĐQT ngày 29/4/2021 của Hội đồng Quản trị.	Cập nhật ngày có hiệu lực và văn bản thay thế.

**Lưu ý:** Do có sự thay đổi số điều khoản nên dẫn chiếu trong một số nội dung không đề cập tại Bản thuyết minh này có thể thay đổi, các nội dung điều chỉnh sẽ được Ngân hàng chủ động rà soát và cập nhật, đồng thời chỉnh sửa lỗi trình bày khi ban hành bản Quy chế toàn văn.